

Số: ... /2025/NQ-HĐTP
(Dự thảo 1)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của
Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Sau khi có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sau: Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26 tháng 8 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản; Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18 tháng 6 năm 2019 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ; Nghị quyết số 02/2020/NQ-

HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 6 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản

Thay thế cụm từ “*Tòa án nhân dân cấp huyện*” bằng cụm từ “*Tòa án nhân dân khu vực*” tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 3.

Điều 3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử

1. Thay thế cụm từ “*Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương*” bằng cụm từ “*Tòa án nhân dân khu vực*” tại khoản 2 Điều 2; khoản 2 Điều 23.

2. Bỏ cụm từ “*Tòa án nhân dân cấp cao*” tại khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 23.

Điều 4. Bãi bỏ một số điểm của Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ

Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 6.

Điều 5. Sửa đổi một số điều và thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Thay thế cụm từ “*Tòa án nhân dân cấp huyện*” bằng cụm từ “*Tòa án nhân dân khu vực*” tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 11.

2. Thay thế cụm từ “*Công an cấp huyện*” bằng cụm từ “*Công an cấp tỉnh*” tại khoản 1 Điều 11.

3. Bỏ cụm từ “*tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*” tại điểm b khoản 1 Điều 6.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau:

“Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã

cho hưởng án treo, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người bị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, cơ quan đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, Viện Kiểm sát cùng cấp, ~~cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền~~, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phạt tù cho hưởng án treo, ~~Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở.~~”

Điều 6. Thay thế một số cụm từ của Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Thay thế cụm từ “*Công an cấp huyện*” bằng cụm từ “*Công an cấp tỉnh*” tại các khoản 8 và 11 Điều 5.

Điều 7. Thay thế một số cụm từ của Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại

Thay thế cụm từ “*Tòa án nhân dân huyện X*” bằng cụm từ “*Tòa án nhân dân khu vực X*” tại ví dụ của khoản 1 Điều 5.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính

Sửa đổi, bổ sung ví dụ tại khoản 3 Điều 2 như sau:

“Ví dụ:

Theo quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 thì Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền giải quyết những khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan nhà nước cấp tỉnh trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án và của người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước đó. (Khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13).

Ngày 01-6-2024, Tòa án nhân dân tỉnh A ra bản án giải quyết vụ án hành chính về việc ông B khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A. Bản án hành chính sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01-7-2025, Tòa án có thẩm quyền xem xét Bản án trên theo thủ tục giám đốc thẩm không được căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ tụng hành chính số

93/2015/QH13 để cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh A đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 255 Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13. Trong trường hợp này, Tòa án phải căn cứ vào các quy định của Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 để xem xét việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính.”

Điều 9. Thay thế một số cụm từ của Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân

Thay thế cụm từ “*Tòa án nhân dân cấp huyện*” bằng cụm từ “*Tòa án nhân dân khu vực*” tại ví dụ của khoản 2 Điều 3.

Điều 10. Thay thế một số cụm từ của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự

Phương án 1:

1. Thay thế cụm từ “*Tòa án có thẩm quyền thụ lý đơn khởi kiện và giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 35, 36, 37, 38, 39 và 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự*” bằng cụm từ “*Tòa án nhân dân khu vực thụ lý đơn khởi kiện và giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự*” tại khoản 2 Điều 3.

Phương án 2: Không quy định nội dung khoản 1

2. Thay thế cụm từ “*Tòa án nhân dân huyện A*” bằng cụm từ “*Tòa án nhân dân khu vực A*” tại ví dụ của khoản 2 Điều 19.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày ... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ 02 bản;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tài chính;
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán và các đơn vị TANDTC (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH TANDTC.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Lê Minh Trí

